

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU
ĐÔNG NAM Á HAMICO**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU ĐÔNG NAM Á HAMICO

Địa chỉ: đường Lê Chân, KCN Châu Sơn, Tp. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351. 3848888

Fax: 0351. 3850869

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Tổng Giám đốc	01 - 03
Báo cáo kiểm toán	04 - 05
Báo cáo tài chính	
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 23

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico trình bày Báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán của Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico như sau:

1. Khái quát chung về Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico

Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico (sau đây viết tắt là "Tổng Công ty") được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Đông Nam Á. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700.212.810 ngày 29/9/2009, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 23/02/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại đường Lê Chân, Khu công nghiệp Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2011 là: **107.375.000.000 đồng** (*Một trăm linh bảy tỷ, ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

2. Những hoạt động kinh doanh chính

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 là sản xuất mặc áo, mặc quần xuất khẩu, nhập khẩu và bán ô tô.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất thiết bị gia đình: Nồi cơm điện, tủ lạnh, máy giặt;
- Sản xuất các mặt hàng: Điện lạnh, điện cơ, điện máy và thiết bị, đồ dùng gia đình khác;
- Mua bán và đại lý hàng hóa: nồi cơm điện, tủ lạnh, máy giặt, điện lạnh, điện cơ, điện máy và thiết bị, đồ dùng gia đình khác;
- Xuất nhập khẩu hàng: điện lạnh, điện tử, điện cơ, điện máy, thiết bị, vật tư, đồ dùng gia đình khác, các sản phẩm từ khai thác, chế biến khoáng sản phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh của công ty;
- Nuôi trồng thủy sản, trồng rừng, trồng cây ăn quả;
- Dịch vụ vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng;
- Sản xuất các mặt hàng: cơ khí, kim khí, sơn tĩnh điện, mạ kim loại;
- Sản xuất và gia công các loại móc treo quần áo bằng kim loại "METAL HANGERS";
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất xốp cách nhiệt, xốp bao bì;
- Sản xuất chế biến các loại gỗ tự nhiên và công nghiệp;
- Sản xuất, gia công kinh doanh xuất nhập khẩu hàng dệt may và may mặc, nguyên liệu, máy móc phục vụ cho quá trình sản xuất;

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Vận tải hành khách bằng taxi;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Cho thuê nhà xưởng để làm văn phòng và xưởng sản xuất;
- Cho thuê kho bãi, thiết bị;
- Mua bán ô tô, xe máy, xe đạp;
- Mua bán vải, hàng sành sứ, vật tư ngành cơ khí;
- Hoạt động mua bán: rượu, bia, bánh kẹo;
- Mua bán gỗ chế biến, than đá, quặng, phế liệu;
- Mua bán vật liệu xây dựng; gạch ngói, xi măng, đá, cát, sỏi;
- Xuất nhập khẩu khoáng sản, sắt thép;
- Xuất nhập khẩu, mua bán máy, thiết bị và vật tư, phụ tùng máy công, nông nghiệp;
- Xuất nhập khẩu và mua bán các sản phẩm kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất, gia công túi nilon và bao bì xuất khẩu;
- Mua, bán, xuất nhập khẩu xe máy, xe có động cơ và phụ tùng các loại; và
- Mua, bán, xuất nhập khẩu ô tô và phụ tùng ô tô các loại.

4. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty

Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm tài chính gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Hữu Biền	Chủ tịch HĐQT	
Ông Hoàng Quốc Tùng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 09/9/2011)
Ông Đoàn Minh Dũng	Thành viên	
Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Thành viên	
Bà Trần Thị Minh Lý	Thành viên	

Ban Giám đốc Tổng Công ty

Ông Bùi Việt Vương	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 09/9/2011)
Ông Hoàng Quốc Tùng	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 09/9/2011)
Ông Nguyễn Minh Thương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đoàn Minh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Tổng Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang số 06 đến trang 23 kèm theo.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

6. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

7. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Tổng Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các văn bản pháp lý có liên quan. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Tổng Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chế độ, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định khác về kế toán tại Việt Nam. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã cung cấp toàn bộ sổ, chứng từ kế toán và các tài liệu liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Tổng Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Hà Nam, ngày 16 tháng 4 năm 2012

Tổng Giám đốc

Bùi Việt Vương

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
của Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico**

**Kính gửi: TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU ĐÔNG NAM Á HAMICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được lập ngày 16/4/2012 của Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico (sau đây viết tắt là "Tổng Công ty") từ trang 06 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này, căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá tính tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho những ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Tỷ lệ giá vốn/doanh thu mặt hàng mặc quần áo xuất khẩu năm 2011 chiếm 99,6%, trong khi tỷ lệ này của các năm 2009 và 2010 lần lượt là 82,69% và 82,82%. Chi phí giá vốn năm 2011 tăng cao hơn so với các năm 2009 và 2010 chưa được Tổng Công ty giải thích rõ nguyên nhân. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác chúng tôi chưa có đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để khẳng định giá trị hợp lý của chỉ tiêu giá vốn hàng bán trên Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) đến Báo cáo tài chính vì những lý do nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011, phù hợp với chế độ, chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2012

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
& DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Giám đốc

Kiểm toán viên

Đào Tiến Đạt

Chứng chỉ KTV số: Đ0078/KTV

Vũ Khắc Chuyển

Chứng chỉ KTV số: 0160/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		68.595.453.788	106.591.393.760
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.454.497.774	7.488.772.560
1. Tiền	111	V.1	4.454.497.774	7.488.772.560
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.331.224.061	50.213.095.599
1. Phải thu khách hàng	131		24.311.613.925	32.453.547.962
2. Trả trước cho người bán	132		1.265.033.636	2.310.433.637
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	12.949.114.000	15.449.114.000
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(194.537.500)	0
IV. Hàng tồn kho	140		23.597.577.563	43.964.259.195
1. Hàng tồn kho	141	V.4	23.597.577.563	43.964.259.195
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.212.154.390	4.925.266.406
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.187.327.179	4.820.266.406
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	24.827.211	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		0	105.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		114.083.877.592	103.097.600.045
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		75.223.734.980	81.080.573.010
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	75.218.072.482	80.303.961.839
<i>Nguyên giá</i>	222		89.225.916.817	89.324.784.955
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(14.007.844.335)	(9.020.823.116)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	5.662.498	10.381.250
<i>Nguyên giá</i>	228		15.100.000	15.100.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9.437.502)	(4.718.750)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	0	766.229.921
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	35.778.770.177	18.724.768.242
1. Đầu tư vào công ty con	251		36.840.000.000	19.840.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.061.229.823)	(1.115.231.758)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.081.372.435	3.292.258.793
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	3.081.372.435	3.292.258.793
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		182.679.331.380	209.688.993.805

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		81.288.950.552	135.425.279.475
I. Nợ ngắn hạn	310		68.252.702.552	71.893.167.250
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	59.165.346.756	47.958.885.024
2. Phải trả người bán	312		4.034.478.201	12.509.495.357
3. Người mua trả tiền trước	313		157.434.895	165.977.241
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	3.125.077.269	9.250.407.024
5. Phải trả người lao động	315		541.642.236	1.261.656.342
6. Chi phí phải trả	316	V.17	695.754.339	526.657.860
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	232.968.856	220.088.402
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		300.000.000	0
II. Nợ dài hạn	330		13.036.248.000	63.532.112.225
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	13.023.248.000	63.519.112.225
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		13.000.000	13.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		101.390.380.828	74.263.714.330
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	101.390.380.828	74.263.714.330
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		107.375.000.000	56.880.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		50.000.000	0
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		50.000.000	0
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(6.084.619.172)	17.383.714.330
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		182.679.331.380	209.688.993.805

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		11.593,25	112.681,11

Hà Nam, ngày 16 tháng 4 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Ánh

Đàm Thị Ái Len

Bùi Việt Vương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 đ	Năm 2010 đ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	205.074.031.014	165.206.439.885
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	0	156.100.000
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế XK phải nộp</i>	07		0	156.100.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	205.074.031.014	165.050.339.885
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	202.263.307.145	138.307.075.611
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.810.723.869	26.743.264.274
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	3.502.598.318	4.370.250.966
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	10.692.581.595	9.336.076.554
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.172.165.511	4.121.500.884
8. Chi phí bán hàng	24		7.720.817.487	4.460.613.866
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.475.022.740	2.847.013.415
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(15.575.099.635)	14.469.811.405
11. Thu nhập khác	31		3.110.574.408	992.915.899
12. Chi phí khác	32		5.235.058.275	278.901.545
13. Lợi nhuận khác	40		(2.124.483.867)	714.014.354
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(17.699.583.502)	15.183.825.759
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	0	1.899.802.174
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(17.699.583.502)	13.284.023.585

Hà Nam, ngày 16 tháng 4 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Ánh

Đàm Thị Ái Len

Bùi Việt Vương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

Chi tiêu	Mã số	Năm 2011 đ	Năm 2010 đ
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	220.263.092.492	204.443.840.695
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(181.397.089.574)	(197.229.060.478)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03	(9.862.088.598)	(7.655.754.380)
4 Tiền chi trả lãi vay	04	(7.976.672.050)	(4.026.489.043)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.271.996.282)	(652.633.103)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	10.792.522.935	3.298.572.181
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(24.292.201.932)	(12.346.625.822)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.255.566.991	(14.168.149.950)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(6.253.982.604)	(12.900.976.129)
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.000.000.000)	0
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.450.000.000	0
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	(19.840.000.000)
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.000.911.942	37.641.309
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.803.070.662)	(32.703.334.820)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	160.445.821.371	206.421.192.789
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(151.566.195.731)	(155.468.182.205)
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.368.750.000)	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.510.875.640	50.953.010.584
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.036.628.031)	4.081.525.814
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.488.772.560	4.230.534.930
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	2.353.245	(823.288.184)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.454.497.774	7.488.772.560

Hà Nam, ngày 16 tháng 4 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Ánh

Đàm Thị Ái Len

Bùi Việt Vương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico (sau đây viết tắt là "Tổng Công ty") được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Đông Nam Á. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700.212.810 ngày 29/9/2009, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 23/02/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại đường Lê Chân, Khu công nghiệp Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2011 là: **107.375.000.000 đồng** (Một trăm linh bảy tỷ, ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

2. Những hoạt động kinh doanh chính

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 là sản xuất mắc áo, mắc quần xuất khẩu, nhập khẩu và bán ô tô.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất thiết bị gia đình: Nồi cơm điện, tủ lạnh, máy giặt;
- Sản xuất các mặt hàng: Điện lạnh, điện cơ, điện máy và thiết bị, đồ dùng gia đình khác;
- Mua bán và đại lý hàng hóa: nồi cơm điện, tủ lạnh, máy giặt, điện lạnh, điện cơ, điện máy và thiết bị, đồ dùng gia đình khác;
- Xuất nhập khẩu hàng: điện lạnh, điện tử, điện cơ, điện máy, thiết bị, vật tư, đồ dùng gia đình khác, các sản phẩm từ khai thác, chế biến khoáng sản phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh của công ty;
- Nuôi trồng thủy sản, trồng rừng, trồng cây ăn quả;
- Dịch vụ vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng;
- Sản xuất các mặt hàng: cơ khí, kim khí, sơn tĩnh điện, mạ kim loại;
- Sản xuất và gia công các loại mắc treo quần áo bằng kim loại "METAL HANGERS";
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất xốp cách nhiệt, xốp bao bì;
- Sản xuất chế biến các loại gỗ tự nhiên và công nghiệp;
- Sản xuất, gia công kinh doanh xuất nhập khẩu hàng dệt may và may mặc, nguyên liệu, máy móc phục vụ cho quá trình sản xuất;
- Vận tải hành khách bằng taxi;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Cho thuê nhà xưởng để làm văn phòng và xưởng sản xuất;
- Cho thuê kho bãi, thiết bị;
- Mua bán ô tô, xe máy, xe đạp;
- Mua bán vải, hàng sành sứ, vật tư ngành cơ khí;
- Hoạt động mua bán: rượu, bia, bánh kẹo;
- Mua bán gỗ chế biến, than đá, quặng, phế liệu;
- Mua bán vật liệu xây dựng; gạch ngói, xi măng, đá, cát, sỏi;
- Xuất nhập khẩu khoáng sản, sắt thép;
- Xuất nhập khẩu, mua bán máy, thiết bị và vật tư, phụ tùng máy công, nông nghiệp;
- Xuất nhập khẩu và mua bán các sản phẩm kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất, gia công túi nilon và bao bì xuất khẩu;
- Mua, bán, xuất nhập khẩu xe máy, xe có động cơ và phụ tùng các loại; và
- Mua, bán, xuất nhập khẩu ô tô và phụ tùng ô tô các loại.

II- KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (Đồng).

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính bao gồm: tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng đảm bảo đã được kiểm kê, đối chiếu đầy đủ tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc năm tài chính được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: được phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền theo tháng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: theo nguyên tắc giá gốc (nguyên giá).

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn: Được ghi nhận theo giá gốc.

Nguyên tắc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính: Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm các khoản chi phí đồ đất, san nền, đầm ép không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình, được phân bổ dần vào các đối tượng chi phí trong kỳ kế toán với thời gian phân bổ là 50 năm.

Phương pháp phân bổ: phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận: Lợi nhuận được phân phối căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Tổng Công ty và phương án phân phối lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Việc tăng giảm vốn điều lệ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Giá vốn được hạch toán theo thực tế phát sinh theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu đã ghi nhận.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ, các khoản chi phí đầu tư tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tổng Công ty được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo Giấy ưu đãi đầu tư số 1107/GCNUĐ ngày 23/9/2003 của UBND tỉnh Hà Nam cấp, được điều chỉnh lần thứ nhất theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 06221000076 ngày 05/02/2010 của Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam. Năm 2011 là năm thứ 2 Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Trong kỳ, Tổng Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 04/11/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế giá trị gia tăng: Tổng Công ty đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác được thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	<u>31/12/2011</u> <u>Nguyên tệ</u>	<u>31/12/2011</u> <u>đ</u>	<u>01/01/2011</u> <u>Nguyên tệ</u>	<u>01/01/2011</u> <u>đ</u>
Tiền mặt tại quỹ		4.164.867.915		3.835.392.495
Tiền gửi ngân hàng		289.629.859		3.653.380.065
+ Tiền gửi ngân hàng Đồng Việt Nam		48.165.648		1.520.101.290
- Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Hà Nam		6.427.620		28.217.013
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam		2.387.408		1.020.449.053
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Hà Nam		2.362.901		2.828.457
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nam		19.163.514		468.606.767
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC		17.824.205		0
+ Tiền gửi ngân hàng USD	11.593,25	241.464.211	112.681,11	2.133.278.775
- Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Hà Nam	158,18	3.294.573	41.415,88	784.085.440
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam	178,32	3.714.049	189,09	3.579.852
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Hà Nam	286,38	5.964.723	285,79	5.410.577
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nam	8.240,90	171.641.465	70.790,35	1.340.202.906
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC	2.729,47	56.849.401	0,00	0
Cộng		<u><u>4.454.497.774</u></u>		<u><u>7.488.772.560</u></u>

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2011</u> <u>đ</u>	<u>01/01/2011</u> <u>đ</u>
Công ty TNHH Linh Sa Hamico	2.000.000.000	12.050.000.000
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Nam Á Hamico	3.399.114.000	3.399.114.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico	7.550.000.000	0
Cộng	<u><u>12.949.114.000</u></u>	<u><u>15.449.114.000</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Hàng tồn kho

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Nguyên liệu, vật liệu	15.170.717.825	37.136.822.411
Công cụ, dụng cụ	35.540.000	0
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.870.150.318	0
Thành phẩm	6.458.007.123	6.611.871.887
Hàng hóa	63.162.297	215.564.897
Cộng giá gốc hàng tồn kho	23.597.577.563	43.964.259.195

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Thuế TNDN nộp thừa	24.827.211	0
Cộng	24.827.211	0

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đ

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	56.552.467.404	12.269.422.132	20.331.324.185	171.571.234	89.324.784.955
Tăng do mua sắm	54.945.000	1.148.038.513	248.727.273	13.271.818	1.464.982.604
Tăng do XDCB hoàn thành	766.229.921	0	0	0	766.229.921
Thanh lý, nhượng bán	0	(1.687.585.211)	(585.950.000)	(47.545.452)	(2.321.080.663)
Giảm khác (*)	0	(9.000.000)	0	0	(9.000.000)
Tại ngày 31/12/2011	57.373.642.325	11.720.875.434	19.994.101.458	137.297.600	89.225.916.817
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	4.360.084.463	2.775.497.578	1.855.754.954	29.486.121	9.020.823.116
Khấu hao trong kỳ	2.013.085.183	2.119.637.190	1.090.143.691	23.923.164	5.246.789.228
Thanh lý, nhượng bán	0	(203.514.287)	(45.952.928)	(8.800.794)	(258.268.009)
Giảm khác (*)	0	(1.500.000)	0	0	(1.500.000)
Tại ngày 31/12/2011	6.373.169.646	4.690.120.481	2.899.945.717	44.608.491	14.007.844.335
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2011	52.192.382.941	9.493.924.554	18.475.569.231	142.085.113	80.303.961.839
Tại ngày 31/12/2011	51.000.472.679	7.030.754.953	17.094.155.741	92.689.109	75.218.072.482

- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2011 của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: **32.001.202.680 đồng**.

- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao ngày 31/12/2011 nhưng vẫn còn sử dụng: **22.890.000 đồng**.

(*) Trong kỳ Tổng Công ty thực hiện phân loại lại vật tư bông khoáng phục vụ sản xuất không đủ điều kiện ghi nhận là Tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: đ

Khoản mục	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2011	15.100.000	15.100.000
Số dư tại ngày 31/12/2011	15.100.000	15.100.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2011	4.718.750	4.718.750
Khấu hao trong năm	4.718.752	4.718.752
Số dư tại ngày 31/12/2011	9.437.502	9.437.502
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại ngày 01/01/2011	10.381.250	10.381.250
Số dư tại ngày 31/12/2011	5.662.498	5.662.498

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Chi phí xây dựng, sửa chữa nhà xưởng tại Nam Định	0	766.229.921
Cộng	0	766.229.921

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (đ)	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (đ)
Đầu tư vào công ty con (*)		36.840.000.000		19.840.000.000
+ Công ty TNHH Linh Sa Hamico		21.080.000.000		4.080.000.000
+ Công ty Cổ phần Xuất khẩu Nam Á Hamico	1.576.000	15.760.000.000	1.576.000	15.760.000.000
Cộng		36.840.000.000		19.840.000.000

(*) Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con như sau:

Đơn vị tính: đ

Công ty con	Mức dự phòng tại 31/12/2011	Mức dự phòng tại 01/01/2011
Công ty TNHH Linh Sa Hamico	209.405.881	451.918.660
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Nam Á Hamico	851.823.942	663.313.098
	1.061.229.823	1.115.231.758

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Chi phí san nền chuẩn bị mặt bằng xây dựng (*)	3.081.372.435	3.151.336.047
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	0	90.922.746
Chi phí tư vấn niêm yết	0	50.000.000
Cộng	3.081.372.435	3.292.258.793

(*) Đây là phần chi phí san nền để chuẩn bị mặt bằng xây dựng nhà xưởng của Tổng Công ty trên đất thuê của Nhà nước (đại diện là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam). Thời gian phân bổ tương ứng với thời gian thuê đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Vay ngắn hạn ^(a)	59.165.346.756	46.678.885.024
Nợ dài hạn đến hạn trả ^(b)	0	1.280.000.000
Cộng	59.165.346.756	47.958.885.024

a. Vay ngắn hạn

	31/12/2011	31/12/2011	01/01/2011	01/01/2011
	Nguyên tệ	đ	Nguyên tệ	đ
Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Thái Bình		10.414.000.000		0
- Vay ngắn hạn USD	500.000,00	10.414.000.000	0,00	0
Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam - CN Hà Nam		34.835.290.360		46.678.885.024
- Vay ngắn hạn Đồng Việt Nam		4.676.080.803		26.309.078.002
- Vay ngắn hạn USD	1.448.012,75	30.159.209.557	1.075.945,86	20.369.807.022
Ngân hàng TNHH MTV HSBC		13.916.056.396		0
- Vay ngắn hạn Đồng Việt Nam		2.447.003.017		0
- Vay ngắn hạn USD	550.655,53	11.469.053.379	0,00	0
Cộng		59.165.346.756		46.678.885.024

b. Nợ dài hạn đến hạn trả

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Thái Bình	0	1.280.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả Đồng Việt Nam	0	1.280.000.000
Cộng	0	1.280.000.000

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	0	969.452.515
Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	2.803.640.481
Thuế xuất nhập khẩu	3.032.677.269	4.230.144.957
Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	1.247.169.071
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	92.400.000	0
Cộng	3.125.077.269	9.250.407.024

17. Chi phí phải trả

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Phí hạ tầng phải trả Ban quản lý KCN Châu Sơn - Hà Nam	9.560.000	36.520.000
Lãi vay phải trả	686.194.339	490.137.860
Cộng	695.754.339	526.657.860

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	202.946.056	161.327.869
Các khoản phải trả, phải nộp khác	30.022.800	58.760.533
+ Công ty TNHH Linh Sa Hamico	0	58.760.533
+ Phải trả khác	30.022.800	0
Cộng	232.968.856	220.088.402

20. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Vay dài hạn	13.023.248.000	63.519.112.225
Vay dài hạn Đồng Việt nam	13.023.248.000	63.519.112.225
+ Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Thái Bình ^(a)	398.248.000	399.112.225
+ Trái phiếu phát hành ^(b)	12.625.000.000	63.120.000.000
Cộng	13.023.248.000	63.519.112.225

(a) Chi tiết vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Thái Bình:

STT	Số khê ước/ Hợp đồng	Ngày phát sinh	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay (%/năm) (*)	Mục đích vay	Tổng số tiền vay (Đồng)	Dư nợ vay dài hạn đến 31/12/2011 (Đồng)	Số nợ gốc đến hạn trả năm 2012 (Đồng)
1	H0035/1.2	20/8/2009	20/8/2012	10,50%	Mua sắm máy móc thiết bị thực hiện phương án đầu tư: Máy móc thiết bị - Công ty TNHH Đông Nam Á	2.959.112.225	398.248.000	398.248.000

(*) Lãi suất được điều chỉnh thay đổi theo từng thời điểm căn cứ vào thông báo điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Thái Bình.

(b) Trái phiếu phát hành theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2010 thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2607/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/7/2010, Nghị quyết số 0508/2010/NQ-HĐQT ngày 05/8/2010 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico và Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐQT ngày 11/01/2011 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty về việc thông qua phương án chuyển đổi trái phiếu. Thông tin chi tiết trái phiếu phát hành tại ngày 31/12/2011 như sau:

- Tên trái phiếu: Trái phiếu doanh nghiệp chuyển đổi Tổng Công ty cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico.
- Mã trái phiếu: KSD_CB2010
- Ngày phát hành: 10/8/2010
- Kỳ hạn trái phiếu: 24 tháng
- Số lượng trái phiếu tại 31/12/2011: 126.250 trái phiếu
- Loại trái phiếu: Trái phiếu doanh nghiệp chuyển đổi.
- Mệnh giá: 100.000 đồng
- Lãi suất: 8%/năm (cố định trong suốt kỳ hạn trái phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Nguồn vốn chủ sở hữu

a - Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đ

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	56.880.000.000	0	0	4.099.690.745	60.979.690.745
Lãi trong kỳ trước	0	0	0	13.284.023.585	13.284.023.585
Số dư cuối kỳ trước; Số dư đầu năm nay	56.880.000.000	0	0	17.383.714.330	74.263.714.330
Tăng vốn trong năm nay (*)	50.495.000.000	0	0	0	50.495.000.000
Phân phối lợi nhuận (**)	0	50.000.000	50.000.000	(5.768.750.000)	(5.668.750.000)
Lỗ trong năm nay	0	0	0	(17.699.583.502)	(17.699.583.502)
Số dư cuối năm nay	107.375.000.000	50.000.000	50.000.000	(6.084.619.172)	101.390.380.828

(*) Tổng Công ty thực hiện tăng vốn theo Nghị Quyết số 02/2011/NQ-HĐQT ngày 11/01/2011 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty về việc thông qua phương án chuyển đổi trái phiếu KSD_CB2010 năm 2011.

(**) Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 số 01/2011/KSD/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2011.

b - Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
Vốn góp của Nhà nước	0	0
Vốn góp của các đối tượng khác	107.375.000.000	56.880.000.000
Cộng	107.375.000.000	56.880.000.000

c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận được chia

	Năm 2011 đ	Năm 2010 đ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	56.880.000.000	56.880.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	50.495.000.000	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	107.375.000.000	56.880.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
+ Năm trước	5.368.750.000	0
+ Năm nay	0	0

đ - Cổ phiếu

	31/12/2011 Cổ phiếu	01/01/2011 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.737.500	5.688.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.737.500	5.688.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.737.500	5.688.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.737.500	5.688.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.737.500	5.688.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**e- Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Quỹ đầu tư phát triển	50.000.000	0
Quỹ dự phòng tài chính	50.000.000	0

(*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.
- Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại đã xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra các tổn thất và của các tổ chức Bảo hiểm.

VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2011	Năm 2010
	đ	đ
25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	205.074.031.014	165.206.439.885
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	202.464.916.560	165.034.319.389
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.609.114.454	172.120.496
26. Các khoản giảm trừ doanh thu	0	156.100.000
Trong đó:		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	156.100.000
27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	205.074.031.014	165.050.339.885
Trong đó:		
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	202.464.916.560	164.878.219.389
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	2.609.114.454	172.120.496
28. Giá vốn hàng bán		
	Năm 2011	Năm 2010
	đ	đ
Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	202.263.307.145	138.307.075.611
Cộng	202.263.307.145	138.307.075.611
29. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm 2011	Năm 2010
	đ	đ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.000.911.942	37.641.309
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.501.686.376	3.951.604.512
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	0	381.005.145
Cộng	3.502.598.318	4.370.250.966

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***30. Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2011 đ	Năm 2010 đ
Chi phí lãi vay	7.148.137.733	4.121.500.884
Lãi trái phiếu phát hành phải trả	1.024.027.778	395.126.019
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.047.950.017	3.150.681.789
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	526.468.002	453.536.104
Chi phí tư vấn phát hành trái phiếu chuyển đổi	0	100.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con (*)	(54.001.935)	1.115.231.758
Cộng	10.692.581.595	9.336.076.554

() Trong kỳ, Tổng Công ty hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con.***31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2011 đ	Năm 2010 đ
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(17.699.583.502)	15.183.825.759
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN	(91.520.701)	14.591.632
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN</i>	<i>33.065.778</i>	<i>0</i>
<i>Lỗi CLTG do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền gửi ngân hàng và các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ</i>	<i>0</i>	<i>14.591.632</i>
<i>Lãi CLTG do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền gửi ngân hàng và các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ</i>	<i>(124.586.479)</i>	<i>0</i>
Tổng thu nhập tính thuế TNDN	(17.791.104.203)	15.198.417.391
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	0	3.799.604.348
Mức thuế được miễn giảm theo Giấy chứng nhận ưu đãi thuế	0	1.899.802.174
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	0	1.899.802.174

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011 đ	Năm 2010 đ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	182.305.419.411	82.110.353.207
Chi phí nhân công	9.832.384.320	9.672.991.254
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.251.507.980	4.227.719.414
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.113.858.219	5.235.486.768
Chi phí khác bằng tiền	461.376.638	4.333.524.292
Cộng	214.964.546.568	105.580.074.935

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động**

Ngày 18/02/2012, Tổng Công ty nhận được phán quyết sơ bộ của Bộ Thương mại Hoa Kỳ về việc lựa chọn Tổng Công ty làm đại diện là bị đơn bắt buộc trong vụ kiện chống bán phá giá và trợ cấp đối với sản phẩm mác áo thép nhập khẩu từ Việt Nam với các dòng sản phẩm HS 7326.20.0020 và 7323.99.9080. Theo nội dung phán quyết, Tổng Công ty sẽ phải hoàn tất hồ sơ đối với vụ kiện Trợ cấp trước ngày 19/3/2012 và hồ sơ đối với vụ kiện bán phá giá trước ngày 09/3/2012. Dự kiến việc áp thuế đối với việc Trợ cấp và Bán phá giá sẽ được Bộ Thương mại Hoa Kỳ đưa ra phán quyết sơ bộ lần lượt vào ngày 23/3/2012 và ngày 06/6/2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động (tiếp theo)

Ngày 26/3/2012 Tổng Công ty ban hành Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐQT thông qua việc chuyển nhượng 1.576.000 cổ phần (tương ứng 98,5% vốn điều lệ) cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Xuất khẩu Nam Á Hamico cho một nhóm các cổ đông gồm Nguyễn Khánh Thường, Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Xuân Mai, Lê Trung Kiên, Vũ Minh Thành với tổng giá trị chuyển nhượng là 5.760.000.000 đồng (Năm tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

3. Thông tin về các bên liên quan

❖ **Thông tin chung về các bên liên quan**

▪ **Các công ty con**

Công ty TNHH Linh Sa Hamico

- Tên công ty: Công ty TNHH Linh Sa Hamico.
- Trụ sở chính: Lô C13-1 đường N6, khu công nghiệp Hòa Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 Đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng chẵn).
- Thành viên góp vốn:
 - Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico: 84,32%;
 - Bà Chen Shuxia: 15,68%.

Công ty Cổ phần Xuất khẩu Nam Á Hamico

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Xuất khẩu Nam Á Hamico.
- Trụ sở chính: đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.
- VỐ điều lệ: 16.000.000.000 Đồng (Mười sáu tỷ đồng chẵn).
- Tỷ lệ góp vốn:
 - Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico: 98,5%;
 - Ông Lý Trung Chi: 1%;
 - Ông Lưu Tùng Lâm: 0.5%.

❖ **Quan hệ thanh toán với các bên liên quan**

S T T	Khoản mục	Số dư tại 01/01/2011	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư tại 31/12/2011
1	Công ty TNHH Linh Sa Hamico				
a	Phải thu	18.910.376.499	20.438.460.787	36.454.635.230	2.894.202.056
	<i>Phải thu từ bán hàng hóa</i>	6.860.376.499	10.948.860.787	16.915.035.230	894.202.056
	<i>Phải thu khác</i>	12.050.000.000	9.489.600.000	19.539.600.000	2.000.000.000
b	Phải trả	58.760.533	0	58.760.533	0
	<i>Phải trả khác</i>	58.760.533	0	58.760.533	0
2	Công ty Cổ phần Xuất khẩu Nam Á Hamico				
a	Phải thu	3.399.114.000	9.887.713.180	5.472.146.960	7.814.680.220
	<i>Phải thu từ bán hàng hóa</i>	0	9.887.713.180	5.472.146.960	4.415.566.220
	<i>Phải thu khác</i>	3.399.114.000	0	0	3.399.114.000
b	Phải trả	93.977.390	2.024.233.012	1.995.969.101	122.241.301
	<i>Phải trả từ mua hàng hóa</i>	93.977.390	2.024.233.012	1.995.969.101	122.241.301

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4. Thông tin báo cáo bộ phận****4.1. Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh***Đơn vị tính: đ*

Chỉ tiêu	Sản xuất và bán mặc quần áo	Nhập khẩu và bán ô tô	Bán thép	Hoạt động khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	155.617.855.908	7.997.272.728	36.402.991.393	5.055.910.985	205.074.031.014
Giá vốn	154.989.483.609	7.950.719.491	35.878.382.514	3.444.721.531	202.263.307.145
Lợi nhuận gộp	628.372.299	46.553.237	524.608.879	1.611.189.454	2.810.723.869

4.2. Thông tin báo cáo bộ phận theo địa lý*Đơn vị tính: đ*

Chỉ tiêu	Bán hàng trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng
Doanh thu thuần	48.928.581.435	156.145.449.579	205.074.031.014
Giá vốn	47.076.195.817	155.187.111.32	202.263.307.145
Lợi nhuận gộp	1.852.385.618	958.338.251	2.810.723.869

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính năm tài chính 2010 của Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP. Hồ Chí Minh.

6. Tính hoạt động liên tục

Ngày 18/02/2012, Tổng Công ty nhận được phán quyết sơ bộ của Bộ Thương mại Hoa Kỳ về việc lựa chọn Tổng Công ty làm đại diện là bị đơn bắt buộc trong vụ kiện chống bán phá giá và trợ cấp đối với sản phẩm mặc áo thép nhập khẩu từ Việt Nam với các dòng sản phẩm HS 7326.20.0020 và 7323.99.9080. Phán quyết của Bộ Thương mại Hoa kỳ về việc kiện chống bán phá giá và trợ cấp đối với 2 dòng sản phẩm trên có thể ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

*Hà Nam, ngày 16 tháng 4 năm 2012***Người lập biểu****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Nguyễn Thị Ánh****Đàm Thị Ái Len****Bùi Việt Vương**